

BÁO CÁO

**V/v Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi
ngân sách thành phố 6 tháng năm 2018**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố kỳ họp thứ năm, khóa XXII, nhiệm kỳ 2016-2021 về thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố kỳ họp thứ năm, khóa XXII, nhiệm kỳ 2016-2021 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết Số 14/2017/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc phê chuẩn phương án phân bổ vốn đầu tư công năm 2018 Thành phố Hà Giang;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách thành phố 6 tháng năm 2018 như sau: *(chi tiết số liệu theo các biểu số 93,94,95/CK-NSNN đính kèm*

1. Thu ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2018:

* Tổng thu : 159.590 triệu đồng, gồm:

- Thu ngân sách trên địa bàn: 92.263 triệu đồng, đạt 29,6% dự toán, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

+ Thu nội địa: 87.020 triệu đồng, đạt 29,15% dự toán, giảm 50,67% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Thu quản lý qua ngân sách: 5.243 triệu đồng, đạt 39,87% dự toán, giảm 13,2 % dự toán so cùng kỳ năm 2017.

- Văn phòng Cục thuế thu: 27.468 triệu đồng, đạt 49,16% dự toán.

- Thu chuyển nguồn ngân sách từ năm trước chuyển sang: 939 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh: 38.920 triệu đồng

2. Chi ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2018:

* Tổng chi ngân sách trên địa bàn: 146.657 triệu đồng, đạt 41,22% dự toán, giảm 19,37 % so với cùng kỳ năm 2017 trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 8.524 triệu đồng, đạt 15,55% dự toán, giảm 69,28% so với cùng kỳ năm 2017.
- Chi thường xuyên: 124.751 triệu đồng, đạt 44,74% dự toán.
- Chi dự phòng ngân sách: 907 triệu đồng, đạt 14,46% dự toán
- Chi quản lý qua ngân sách nhà nước: 5.243 triệu đồng, đạt 39,87% dự toán, do ghi thu, ghi chi ngân sách chủ yếu thực hiện vào cuối năm.
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh: 7.232 triệu đồng.

3. Hình thức công khai.

- Công bố trên trang thông tin điện tử của Thành phố, Thông báo trên Đài phát thanh & truyền hình Thành phố, niêm yết tại trụ sở UBND thành phố.

4. Thời điểm công khai.

- Báo cáo báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách thành phố 6 tháng năm 2018, chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang trân trọng báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- T.Tr Thành ủy;
- T.Tr HĐND TP;
- CT, Các PCT UBND TP;
- Trung tâm văn hóa TT&DL;
- Lưu VT (5). 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Phương Lan

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ 6 THÁNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 490/BC -UBND ngày 18 / 7 /2018 của UBND thành phố Hà Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 6 năm 2018	Thực hiện 6 tháng năm 2017	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4 = 2/1	5=2/3
A	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	356.726	156.039	185.705	43,74	84,0
I	Thu cân đối NSNN	327.659	116.181	150.423	35,46	77,2
1	Thu nội địa	327.659	116.181	150.423	35,46	77,2
2	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	939	939	3.914	99,97	24,0
III	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	28.128	38.920	31.368	138,37	124,1
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	355.788	146.657	181.893	41,22	80,6
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	341.933	134.182	149.487	39,24	89,8
1	Chi đầu tư phát triển	54.800	8.524	27.743	15,55	30,7
2	Chi thường xuyên	278.860	124.751	121.312	44,74	102,8
3	Chi dự phòng ngân sách	6.273	907	432	14,46	210,0
3	Chi từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2017	2.000	0	0	0,00	0,0
II	Chi từ khoản thu quản lý qua NSNN	13.150	5.243	1.038	39,87	505,1
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	705	7.232	31.368	1.025,81	0,0

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số. **490**/BC -UBND ngày **18** / 7 /2018 của UBND thành phố Hà Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện quý 6 năm 2018	Thực hiện 6 tháng năm 2017	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4 = 2/1	5=2/3
	TỔNG THU (I+II+III+IV+V)	396.666	159.590	221.912	40,23	71,9159
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	311.725	92.263	182.457	29,60	50,57
I	Thu nội địa	298.575	87.020	176.419	29,15	49,33
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	6.000	2.470	2.478	41,17	99,69
2	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	130.330	37.179	105.655	28,53	35,19
4	Thuế thu nhập cá nhân	16.000	7.015	6.515	43,84	107,67
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Lệ phí trước bạ	52.000	15.863	24.723	30,51	64,16
7	Thu phí, lệ phí	4.000	2.930	4.020	73,24	72,88
8	Các khoản thu về nhà đất	79.245	16.497	28.110	20,82	0,00
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	1	16		6,15
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	125	21	74	16,95	28,63
	Thu tiền sử dụng đất	79.000	16.331	28.000	20,67	58,33
	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	120	144	20	120,03	720,20
	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN					
10	Thu khác ngân sách	3.750	1.874	2.468	49,97	75,93
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	200	107	199	53,54	
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	7.050	3.085	2.251	43,76	137,06
	- Thuế GTGT	3.150	1.262	1.327		95,12
	- Thuế TTĐB hàng hóa dịch vụ trong nước	3.900	1.823	924	46,74	197,28
II	Thu quản lý qua NSNN	13.150	5.243	6.038	39,87	86,8

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện quý 6 năm 2018	Thực hiện 6 tháng năm 2017	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4 = 2/1	5=2/3
II	Văn phòng thuế (VP cục thuế tỉnh thực hiện thu đảm bảo nhiệm vụ chi)	55.874	27.468	4.173	49,16	658,2
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	939	939	3.914	99,97	24,0
IV	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	28.128	38.920	31.368	138,37	124,1
V	Thu viện trợ					
B	THU NS TP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	327.659	116.181	150.423	35,46	77,2
1	Từ các khoản thu phân chia	23.265	10.467	11.699	44,99	89,5
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	291.244	100.471	132.686	34,50	75,7
3	Thu quản lý qua ngân sách	13.150	5.243	6.038		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ 6 THÁNG NĂM 2018
 (Kèm theo Báo cáo số. **490**/BC -UBND ngày **18** / **3** /2018 của UBND thành phố Hà Giang)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện quý 6 năm 2018	Thực hiện 6 tháng năm 2017	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4 = 2/1	5=3/2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	355.788	146.657	181.893	41,22	80,63
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	341.933	134.182	149.487	39,24	89,76
I	Chi đầu tư phát triển	54.800	8.524	27.743	15,55	30,72
1	Chi đầu tư cho các dự án	54.800	8.524	27.743	15,55	30,72
2	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi thường xuyên	278.860	124.751	121.312	44,74	102,84
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	141.598	64.972	65.700	45,88	98,89
2	Chi khoa học và công nghệ	460	33	280	7,17	0,00
3	Chi y tế, dân số và gia đình	9.770	4.033	4.816	41,28	83,74
4	Chi văn hóa thông tin	2.630	997	1.176	37,91	84,78
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.283	596	715	46,45	83,36
6	Chi thể dục, thể thao	749	143	315	19,09	45,40
7	Chi bảo vệ môi trường	18.736	6.082	10.041	32,46	60,57
8	Chi các hoạt động kinh tế	27.166	11.466	11.012	42,21	104,12
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	61.234	28.026	17.931	45,77	156,30
10	Chi an ninh quốc phòng	5.569	3.524	4.047	63,28	87,08
11	Chi khắc ngân sách	713	366	196	51,33	186,73
12	Chi đảm bảo xã hội	8.952	4.514	5.083	50,42	88,81
III	Dự phòng ngân sách	6.273	907	432	14,46	47,63
III	Chi từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2018	2.000			0,00	0,00
B	Chi từ khoản thu quản lý qua NSNN	13.150	5.242,76	1.038	39,87	19,80
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	705	7.232	31.368	1.025,81	0,00
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	705	840	4.690	119,15	0,00
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		3.082	13.277		0,00
3	Cho các nhiệm vụ chính sách kinh phí thường xuyên		3.310	13.401		0,00